

*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 4962-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:

Tên văn bằng : **Cử nhân Chính trị học**

Tên chương trình : **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **Chính trị học; Mã số: 7310201**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ cử nhân nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; có khả năng giảng dạy và nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường chính trị tỉnh, thành phố, các trường đại học, cao đẳng; có khả năng làm việc trong các cơ quan, ban, ngành của Đảng và Nhà nước ở trung ương và địa phương; có khả năng công tác ở các lĩnh vực trong đời sống xã hội; có khả năng tự học để nâng cao trình độ hoặc tiếp tục được đào tạo ở trình độ sau đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;

- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Có kiến thức cơ bản về ngành Chính trị học, Hồ Chí Minh học;

- Có kiến thức chuyên sâu về Tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực chính trị học.

1.2.2. Về kỹ năng

* Kỹ năng cứng:

- Có kỹ năng sư phạm cơ bản để giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Có kỹ năng nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy và hoạt động thực tiễn;

- Có kỹ năng vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực hoạt động tư tưởng, các nhiệm vụ chính trị - xã hội của Đảng, Nhà nước và đời sống.

* Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;

- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý tình huống sư phạm trong giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

1.2.3. Phẩm chất chính trị và đạo đức

- Trung thành với mục tiêu, lý tưởng XHCN; tư tưởng chính trị vững vàng, không hoang mang dao động trước những quan điểm lệch lạc, sai trái; làm tốt trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân - nhà giáo;

- Trung thực, thẳng thắn, xây dựng tập thể đoàn kết, không lợi dụng chức trách được giao để vụ lợi...;

- Có tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, cầu thị, hợp tác, thân thiện phục vụ cộng đồng;

- Có ý thức cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Người được đào tạo chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Giảng viên các trường chính trị tỉnh, thành phố, các trường đại học, cao đẳng...;

- Làm việc trong hệ thống chính trị: Các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội...;

- Cán bộ nghiên cứu ở các viện, trung tâm nghiên cứu về Hồ Chí Minh học;

- Ngoài ra, có thể công tác trong các lĩnh vực khác của đời sống xã hội ngoài hệ thống chính trị.

1.4. Trình độ ngoại ngữ

Người học tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ B1 khung châu Âu (tương đương 450 điểm TOEIC hoặc 470 điểm TOEFL hoặc 4.5 điểm IELTS).

1.5. Trình độ tin học

Người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức tin học văn phòng trình độ A, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

2. Căn cứ xây dựng chương trình

2.1. Căn cứ thực tiễn

2.1.1. Chương trình đào tạo tham khảo

- Chương trình đào tạo đại học ngành Chính trị học của Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, năm 2017.

- Chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục chính trị, chuyên ban Lịch sử Đảng

- Tư tưởng Hồ Chí Minh của Đại học Sư phạm Hà Nội, năm 2017.
- Các chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Chính trị học hiện hành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

2.1.2. Kết quả khảo sát:

* *Kết quả khảo sát nhu cầu thực tiễn của xã hội* đối với ngành nghề đào tạo. Năm khảo sát 2018. Hình thức khảo sát là gửi phiếu điều tra và phỏng vấn qua điện thoại. Đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp tại Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh và một số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số sinh viên sau khi tốt nghiệp xin được việc, đáp ứng được yêu cầu của cơ quan tuyển dụng.

* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

2.2. Căn cứ pháp lí

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Kiến thức

Kiến thức đại cương

CDR 1. Xác định được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

CDR 2. Hiểu được hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, ngôn ngữ, tâm lý, văn học...

CDR 3. Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn trong nghiên cứu, công tác.

Kiến thức cơ sở ngành

CDR4. Vận dụng sáng tạo hệ thống tri thức về tâm lý học, lý luận dạy học đại học và đạo đức học vào giải quyết các vấn đề trong hoạt động giảng dạy, công tác.

CDR 5. Vận dụng phương pháp tư duy đúng đắn của logic học vào hoạt động thực tiễn.

CDR 6. Phân tích được hoàn cảnh ra đời, nội dung tư tưởng và ý nghĩa giá trị các tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh

CDR7. Hiểu được hệ thống các tri thức về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lịch sử tư tưởng Việt Nam.

CDR 8. Phân tích được quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước về hoạt động thông tin đối ngoại của Việt Nam; vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới; sự tác động qua lại giữa yếu tố địa lý và chính trị đối với sự phát triển quốc gia, khu vực.

CDR 9. Phân tích được các vấn đề cơ bản trong quản lý kinh tế hiện đại; các phương pháp, cơ chế, công cụ quản lý kinh tế; sự tăng trưởng, phát triển kinh tế bền vững trong mối quan hệ với công bằng xã hội.

Kiến thức ngành

CDR 10. Nắm được kiến thức cơ bản về khoa học chính trị như: Lịch sử tư tưởng chính trị, văn hóa chính trị, quyền lực chính trị.

CDR 11. Nắm vững kiến thức về hệ thống chính trị, cách tổ chức và vận hành của bộ máy chính trị

CDR 12. Vận dụng được nguyên tắc, phương pháp, phương tiện của công tác tư tưởng, nghệ thuật phát biểu miệng.

CDR 13. Nắm được khoa học chính sách công từ hoạch định chính sách, tổ chức thực hiện chính sách đến đánh giá và hoàn thiện chính sách.

CDR 14. Nắm được tình hình thực tiễn giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường chính trị, cao đẳng, đại học; tổ chức bộ máy, hoạt động của cơ sở giáo dục; tình hình kinh tế - xã hội của địa phương đến kiến tập, thực tế.

CDR 15. Hiểu được tiểu sử, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; hệ thống phương pháp cách mạng và phong cách Hồ Chí Minh; vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

CDR 16. Nắm được kiến thức về khoa học lãnh đạo, lý thuyết truyền thông và vận động, truyền thông trong lãnh đạo, quản lý.

Kiến thức chuyên ngành

CDR17. Vận dụng sáng tạo hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hoá, đạo đức, con người, quân sự, ngoại giao, triết học, dân chủ, dân vận, tôn giáo, công tác tư tưởng, công nhân, nông dân, trí thức vào giải quyết các vấn đề trong lý luận và thực tiễn.

CDR18. Phân tích được tư tưởng Hồ Chí Minh trong mối quan hệ với các hệ tư tưởng khác: Các nhà tư tưởng trong lịch sử phương Đông, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, các nhà cách mạng tiền bối của Việt Nam.

CDR19. Hiểu rõ và sử dụng thành thục các phương pháp giảng dạy các nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.

CDR 20. Nắm được tình hình thực tiễn giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường chính trị, cao đẳng, đại học; tổ chức bộ máy, hoạt động của cơ sở giáo dục; tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; soạn và giảng được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh theo quy định đi thực tập.

3.2. Kỹ năng

Kỹ năng chung

CDR21. Kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

CDR 22. Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

CDR 23. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

CDR 24. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 3/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

CDR 25. Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

Kỹ năng chuyên biệt cho chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh

CDR 26. Kỹ năng phân tích, đánh giá có phản biện các quan điểm, tư tưởng, quá trình, sự kiện chính trị-xã hội theo hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh: Bao gồm các chủ trương, đường lối, chính sách, hành vi, phát ngôn, sự kiện chính trị-xã hội, v.v. trong các lĩnh vực khác nhau;

CDR 27. Kỹ năng đề xuất, tổ chức triển khai các giải pháp sáng tạo cho các quá trình, sự kiện chính trị-xã hội theo quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh: Bao gồm tổ chức

quản lý và thực hiện công tác tư tưởng, công tác dân vận, công tác nghiên cứu, v.v;

CDR 28. Kỹ năng nghiên cứu độc lập về Hồ Chí Minh học: Phát hiện, rút ra nhận định tư tưởng Hồ Chí Minh qua các tác phẩm, lời nói, hành động thực tiễn của Người và các nguồn tư liệu khác; Có khả năng phân tích, sử dụng các minh chứng và bằng chứng để đưa ra quan điểm cá nhân về vấn đề nghiên cứu;

CDR 29. Kỹ năng phân tích, đánh giá hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh kinh tế- xã hội hiện tại và xu hướng tương lai: Sự tác động của toàn cầu hoá, nền kinh tế tri thức, sự phát triển của khoa học công nghệ...;

CDR 30. Kỹ năng giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh: Kỹ năng soạn bài giảng tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát triển kỹ năng tư duy và sáng tạo; vận dụng linh hoạt các phương pháp, phương tiện, kỹ thuật giảng dạy phù hợp với từng nội dung và đối tượng học viên.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CDR 31. Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

CDR 32. Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Chính trị học, chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh.

CDR 33. Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

CDR 34. Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

CDR 35. Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

CDR36. Chia sẻ với đồng nghiệp; tôn trọng thành quả lao động của người khác; văn hóa ứng xử trong nghề nghiệp; chủ động, độc lập trong tư duy, công việc v.v.

4. Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành Chính trị học, chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên;

- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

8. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

9. Nội dung chương trình

9.1. Cấu trúc chương trình

Chương trình gồm 130 tín chỉ(chưa tính phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó:

Khối kiến thức giáo dục đại cương	45
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	15
- Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc:</i>	9
<i>Tự chọn:</i>	6
- Tin học	3
- Ngoại ngữ	12
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85
- Kiến thức cơ sở ngành	20
<i>Bắt buộc:</i>	14
<i>Tự chọn:</i>	6
- Kiến thức ngành	31
<i>Bắt buộc:</i>	22
<i>Tự chọn:</i>	9
- Kiến thức chuyên ngành	36
<i>Bắt buộc:</i>	30
<i>Tự chọn:</i>	6/27

9.2. Khung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Học phần tiên quyết
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương				45	
1.1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh				15	
1.	TM01001	Triết học Mác - Lênin	Học phần giới thiệu chung về triết học và vai trò của triết học trong đời sống, những nội dung cơ bản của triết học Mác - Lênin, như: Vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức, hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, vấn đề con người.	4,0 (3,0:1,0)	
2.	KT01001	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy tư bản, các loại hình tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền; quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất và thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh tế thị trường định hướng XHCN, quan hệ phân phối, quan hệ kinh tế đối ngoại; nội dung, tác dụng của các quy luật kinh tế cơ bản trong nền kinh tế hàng hóa và các vấn đề có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	
3.	CN01001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.	3,0 (2,0:1,0)	
4.	LS01001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và các giai đoạn phát triển của Đảng, sự lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực phát triển đất nước, nhất là trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.	3,0 (2,0:1,0)	
5.	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; về nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng	2,0 (1,5:0,5)	TM01001 KT01001 CN01001

			Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.		
1.2. Khoa học xã hội và nhân văn				15	
Bắt buộc				9	
6.	NP01001	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	TM01001 CN01001
7.	CT01001	Chính trị học	Những kiến thức cơ bản về lĩnh vực chính trị, từ lịch sử tư tưởng chính trị, quyền lực chính trị, hệ thống tổ chức quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị; xu hướng chính trị thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam.	2,0 (1,5:0,5)	
8.	XD01001	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
9.	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2,0 (1,5:0,5)	
Tự chọn				6/18	
10.	XH01001	Xã hội học đại cương	Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn Xã hội học như đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Xã hội học; các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra Xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu Xã hội học như: xã hội học	2,0 (1,5:0,5)	

			gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.		
11.	NP01002	Quản lý hành chính nhà nước	Trang bị kiến thức chung về hoạt động quản lý hành chính nhà nước bao gồm các khái niệm cơ bản, nền hành chính, thủ tục hành chính... Hoàn thiện một số kỹ năng: ra quyết định quản lý hành chính, thực hiện một số bước của thủ tục hành chính.	2,0 (1,5:0,5)	
12.	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	2,0 (1,5:0,5)	
13.	ĐC01001	Tiếng Việt thực hành	Gồm những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	2,0 (1,5:0,5)	
14.	TT01003	Hệ tư tưởng học	Học phần Hệ tư tưởng học được thiết kế nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về các kiểu loại hệ tư tưởng giữ vai trò chi phối, thống trị các hình thái kinh tế xã hội trong lịch sử phát triển của xã hội con người: Hệ tư tưởng chiếm hữu nô lệ, Hệ tư tưởng phong kiến, Hệ tư tưởng tư sản, Hệ tư tưởng vô sản và tư tưởng nông dân, tiểu tư sản.	2,0 (1,5:0,5)	
15.	TT01001	Lịch sử văn minh thế giới	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nền văn minh lớn của nhân loại trong tiến trình lịch sử. Trên cơ sở đó, người học nâng cao phong kiến thức về văn hoá thế giới trong hội nhập và phát triển để xây dựng và phát triển văn hoá Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của lịch sử.	2,0 (1,5:0,5)	
16.	LS01003	Dân tộc học đại cương	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các tộc người trên thế giới, bao gồm vấn đề lịch sử nguồn gốc tộc người, quá trình tộc người và các đặc trưng sinh hoạt văn hóa tộc người.	2,0 (1,5:0,5)	
17.	QT01001	Quan hệ quốc tế	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách	2,0 (1,5:0,5)	

			đổi ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.		
18.	QQ01002	Quan hệ công chúng	Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam; những nguyên tắc tác nghiệp, những kỹ năng giao tiếp trong nhiều tình huống như thuyết trình, tranh luận, liên hệ với các nhóm đối tượng khác nhau.	2,0 (1,5:0,5)	
1.3. Tin học					
19.	ĐC01005	Tin học ứng dụng	Trang bị những hiểu biết cơ bản về Công nghệ thông tin, những kiến thức và kỹ năng sử dụng máy tính, xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Sử dụng Internet để phục vụ công việc cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
1.4. Ngoại ngữ (chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung)					
				12/24	
20.	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0:2,0)	
21.	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
22.	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
23.	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán đề có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia	4,0 (2,0:2,0)	

			đình, bạn bè, mua bán.... Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.		
24.	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
25.	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				85	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				20	
Bắt buộc				14	
26.	TG01009	Tâm lý học sư phạm	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về bản chất tâm lý người, chỉ rõ cơ sở tâm lý học của hoạt động giảng dạy và giáo dục, đồng thời phân tích mô hình nhân cách của giảng viên đáp ứng yêu cầu lao động sư phạm. Những nội dung trên là cơ sở quan trọng của một nghề nghiệp mang tính khoa học và tính ứng dụng. Nhờ đó, việc giảng dạy kiến thức cũng như hình thành kỹ năng, kỹ xảo cho người học sẽ được định hướng và có tính kỹ thuật rõ ràng.	3,0 (2,0:1,0)	
27.	TG03001	Lý luận dạy học đại học	Nội dung học phần gồm: Bản chất của quá trình dạy học, các nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học, lập kế hoạch dạy học. Sinh viên thực hành các kỹ năng xác định mục tiêu bài học, lựa chọn nội dung và phương pháp, phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu cụ thể.	3,0 (2,0:1,0)	
28.	TM01008	Đạo đức học Mác - Lênin	Nội dung học phần gồm quy luật hình thành phát triển của đạo đức, các phạm trù cơ bản của đạo đức học, các phẩm chất đạo đức cá nhân và các giá trị đạo đức truyền thống. Người học rút ra ý nghĩa, bài học để vận dụng vào thực tiễn	3,0 (2,0:1,0)	

			nhằm điều chỉnh suy nghĩ và hoạt động con người theo nguyên tắc hướng tới chân, thiện, mỹ.		
29.	TM01010	Logic học	Trang bị cho người học những tri thức cơ bản, hiện đại về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp tư duy đúng đắn của logic học đại cương và vận dụng chúng vào hoạt động thực tiễn.	3,0 (2,0:1,0)	
30.	TH02030	Thực tế kinh tế - xã hội	Học phần trang bị cho sinh viên thực tiễn di tích lịch sử, lưu trữ tư liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh; thực tiễn tình hình kinh tế - xã hội địa phương đến; thực tiễn tổ chức, hoạt động của hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp; thực tiễn triển khai Cuộc vận động Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở địa phương...	2,0 (0,5:1,5)	
Tự chọn				6/18	
31.	TH02054	Tác phẩm Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho sinh viên chuyên ngành hoàn cảnh ra đời, nội dung tư tưởng và ý nghĩa giá trị các tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh như <i>Bản án chế độ thực dân Pháp, Đường cách mệnh... Di chúc.</i>	3,0 (2,0:1,0)	
32.	CN02052	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản, hệ thống quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Việt nam qua các thời kỳ lịch sử dựng nước, bảo vệ nền độc lập dân tộc và xây dựng đất nước: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học; tư tưởng Việt nam thời kỳ tiền sử và sơ sử; tư tưởng Việt Nam thời kỳ đấu tranh lâu dài giành độc lập dân tộc từ thế kỷ thứ II Trước công nguyên đến thế kỷ X; Tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XIV; Tư tưởng Việt Nam thế kỷ XV, XVI, XVII, XVIII, XIX và nửa đầu thế kỷ XX.	3,0 (2,0:1,0)	
33.	LS02248	Lịch sử Đảng (chuyên đề)	Những kiến thức cơ bản và khái quát về bài học kinh nghiệm của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay	3,0 (2,0:1,0)	
34.	LS01004	Lịch sử thế giới (chuyên đề)	Học phần cung cấp kiến thức tương đối hệ thống và sâu sắc về lịch sử thế giới từ cổ đại cho đến ngày nay, gồm: Xã hội nguyên thủy; Lịch sử thế giới cổ đại; Lịch sử thế giới trung đại; Lịch sử thế giới cận đại; Lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1917 đến năm 1945; Lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay...	3,0 (2,0:1,0)	
35.	LS01005	Lịch sử Việt	Trang bị những kiến thức cơ bản về Lịch sử Việt Nam, bao gồm: Các nền văn	3,0	

		Nam (chuyên đề)	minh trong lịch sử dân tộc Việt Nam; Các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc; Giai cấp nông dân và phong trào nông dân tiêu biểu trong lịch sử; Giai cấp công nhân và phong trào công nhân Việt Nam từ khi ra đời đến năm 1930; Sự hình thành và phát triển của đội ngũ trí thức Việt Nam trong lịch sử.	(2,0:1,0)	
36.	QT02607	Thông tin đối ngoại Việt Nam	Học phần cung cấp khái niệm, tầm quan trọng, quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước về thông tin đối ngoại; nội dung, đối tượng, địa bàn, lực lượng, phương châm hoạt động thông tin đối ngoại; kinh nghiệm hoạt động thông tin đối ngoại của các nước trên thế giới; hoạt động thông tin đối ngoại đối với nhân dân, chính phủ các nước, đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, đối với người nước ngoài ở Việt Nam; hoạt động truyền thông đại chúng trong công tác thông tin đối ngoại; công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thông tin đối ngoại; và yêu cầu đẩy mạnh hoạt động thông tin đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ mới.	3,0 (2,0:1,0)	
37.	QT02560	Địa chính trị thế giới	Trang bị tri thức cơ bản, về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới, giúp cho người học có cơ sở phân tích, giải thích các diễn biến chính trị trên nền của các yếu tố địa lý; sự ảnh hưởng tác động qua lại giữa yếu tố địa lý và chính trị đối với sự phát triển quốc gia, khu vực.	3,0 (2,0:1,0)	
38.	KT02001	Quản lý kinh tế	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản của quản lý kinh tế và khoa học quản lý kinh tế; chức năng, nguyên tắc, phương pháp, cơ chế quản lý kinh tế; công cụ, cơ cấu tổ chức quản lý kinh tế; quản lý nhà nước về kinh tế; quản lý các loại hình doanh nghiệp; thông tin và quyết định quản lý kinh tế, làm cơ sở cho việc nắm bắt, đánh giá và giải quyết các vấn đề của thực tiễn quản lý kinh tế.	3,0 (2,0:1,0)	
39.	KT01008	Kinh tế phát triển	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tăng trưởng, phát triển kinh tế; lý giải làm thế nào để các nước đang phát triển phát triển cả công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, từ đó chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh và bền vững, thoát khỏi tình trạng chậm phát triển, và gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội.	3,0 (2,0:1,0)	
2.2. Kiến thức ngành				31	

<i>Bắt buộc</i>			22	
40.	CT03062	Lịch sử tư tưởng chính trị	Môn học làm rõ hoàn cảnh lịch sử xuất hiện và những nội dung cơ bản của những tư tưởng chính trị tiêu biểu trên thế giới và Việt Nam từ thời cổ đại đến nay, đi sâu nghiên cứu: tư tưởng chính trị Hy Lạp, La Mã cổ đại; tư tưởng chính trị phương Tây trung- cận đại; tư tưởng chính trị Trung Quốc cổ - trung đại, cận - hiện đại; tư tưởng chính trị Ấn Độ, Nhật Bản từ cổ đại đến hiện đại; học thuyết chính trị Mác - Lênin; tư tưởng chính trị Việt Nam và tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.	3,0 (2,0:1,0)
41.	TT01007	Nguyên lý công tác tư tưởng	Trang bị những kiến thức cơ bản, có hệ thống và chuyên sâu về công tác tư tưởng bao gồm: bản chất, hệ thống cấu trúc của công tác tư tưởng; nguyên tắc, phương châm công tác tư tưởng và đi sâu nghiên cứu: mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện, hiệu quả công tác tư tưởng.	3,0 (2,0:1,0)
42.	TT02366	Nghệ thuật phát biểu miệng	Môn học nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghệ thuật phát biểu miệng; Nắm vững các thao tác chuẩn bị và tiến hành phát biểu trước công chúng; Hình thành khả năng chuẩn bị và tổ chức một buổi nói chuyện với một đối tượng người nghe cụ thể.	3,0 (2,0:1,0)
43.	TT02555	Văn hóa chính trị	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản thông qua các nội dung: khái niệm, cơ sở hình thành và vai trò của văn hóa chính trị; cấu trúc của văn hoá chính trị; văn hóa chính trị của một số quốc gia trên thế giới; văn hóa chính trị của Việt Nam; văn hóa Đảng; vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hình thành văn hóa chính trị.	3,0 (2,0:1,0)
44.	CT02059	Khoa học chính sách công	Học phần cung cấp những vấn đề lý luận chung liên quan đến chính sách công: hệ thống các khái niệm, phạm trù làm công cụ (chính sách, chính sách sách công...), giúp người học đối chiếu với thực tiễn Việt Nam, làm rõ những vấn đề cơ bản trong quy trình chính sách công ở Việt Nam hiện nay và đề xuất những giải pháp để nâng cao hiệu quả của hoạt động chính sách công ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)
45.	CT02053	Quyền lực chính trị	Trang bị cho người học những tri thức, những qui luật, tính qui luật giành, giữ, tổ chức, thực thi và kiểm soát quyền lực chính trị, tập trung ở quyền lực	3,0 (2,0:1,0)

			nhà nước. Trên cơ sở đó giúp người học nhận thức sâu sắc hơn về bản chất quyền lực chính trị, phương thức tổ chức, cơ chế vận hành và thực thi của quyền lực chính trị; có khả năng nhận biết, phân tích những hiện tượng, quá trình chính trị.		
46.	TH03080	Kiến tập nghề nghiệp	Học phần giúp cho sinh viên nắm được tình hình thực tiễn công tác giảng dạy ở các trường chính trị, các trường đại học và cao đẳng hiện nay, tổ chức bộ máy, hoạt động của cơ sở giáo dục và tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, quá trình tổ chức giảng dạy môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,0	
<i>Tự chọn</i>				9/27	
47.	TH02090	Tiểu sử, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	Trang bị tiểu sử Hồ Chí Minh từ thời niên thiếu đến khi qua đời, những hoạt động của Người và những tác động từ gia đình, quê hương, đất nước, thời đại đến Hồ Chí Minh; nắm được hoàn cảnh lịch sử, cơ sở lý luận, thực tiễn, nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh từ thời thơ ấu đến khi Người qua đời.	3,0 (2,0:1,5)	
48.	TH02055	Phương pháp cách mạng và phong cách Hồ Chí Minh	Trang bị các khái niệm: phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh, phong cách Hồ Chí Minh và các khái niệm liên quan, nội dung hệ thống phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh, hệ thống phong cách Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng ta qua các giai đoạn cách mạng.	3,0 (2,0:1,0)	
49.	TH02089	Vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay	Khái quát những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như phương hướng vận dụng sáng tạo và phát triển những giá trị đó trong thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
50.	XD02303	Các đảng chính trị trên thế giới	Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản về các đảng chính trị trên thế giới như: Các khái niệm, quá trình hình thành đảng chính trị; đặc điểm đảng chính trị; điều kiện trở thành đảng cầm quyền; khảo sát công tác tổ chức và hoạt động của đảng chính trị hiện nay thông qua một số mô hình đảng chính trị	3,0 (2,0:1,0)	

			cầm quyền tại Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.		
51.	CT02054	Thể chế chính trị thế giới đương đại	Môn học nghiên cứu hệ thống các định chế, các giá trị tạo thành những nguyên tắc tổ chức và phương thức vận hành của một chế độ chính trị, hình thức thể hiện các thành tố của hệ thống chính trị thuộc thượng tầng kiến trúc thể chế chính trị thế giới đương đại làm rõ các nội dung: khái niệm thể chế chính trị, đặc trưng các loại thể chế chính trị thế giới đương đại, thể chế chính trị ở một số nước điển hình đại diện cho các loại hình thể chế chính trị thế giới đương đại như: Anh, Nhật, Úc, Mỹ, Nga, Đức, Pháp, Trung	3,0 (2,0:1,0)	
52.	XD01004	Khoa học lãnh đạo	Học phần bao gồm những nội dung cơ bản, khái quát về: Đối tượng, đặc điểm của khoa học lãnh đạo; Lịch sử tư tưởng lãnh đạo; Chức năng, quyết sách lãnh đạo; Nguyên tắc, phương pháp và công cụ lãnh đạo; Khoa học dùng người trong lãnh đạo; Điều hành, thương thuyết và nghệ thuật trong hoạt động lãnh đạo; Phong cách, tác phong, phẩm chất, năng lực cán bộ lãnh đạo; Khái niệm, bản chất của hiệu quả lãnh đạo; Nội dung, nguyên tắc, trình tự và phương pháp đánh giá hiệu quả lãnh đạo.	3,0 (2,0:1,0)	
53.	TT02353	Truyền thông và vận động	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về truyền thông bao gồm: khái niệm, các lý thuyết truyền thông, mô hình truyền thông, các yếu tố cấu thành hoạt động truyền thông, khái niệm và bản chất của vận động; truyền thông thay đổi hành vi; phương pháp xây dựng, duy trì và thực hiện kế hoạch truyền thông và vận động.	3,0 (2,0:1,0)	
54.	QQ01004	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý	Môn học cung cấp những kiến thức về truyền thông đại chúng, vai trò và sức mạnh truyền thông đại chúng trong các cơ quan quản lý của hệ thống cấu trúc chính trị Việt Nam; cách Quốc hội sử dụng truyền thông đại chúng trong định hướng dư luận xã hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh. Hay cách đóng góp của người dân vào quá trình cải thiện chất lượng chính phủ thông qua truyền thông đại chúng.	3,0 (2,0:1,0)	
55.	CT03040	Vận động hành lang	Trang bị cho học viên những kiến thức tổng quan, cơ bản về vận động hành lang và công nghệ vận động hành lang, từ đó giúp người học hiểu rõ hơn về vận động hành lang như một công nghệ trong chính trị với đầy đủ những nội	3,0 (2,0:1,0)	

			dung cơ bản của nó, nguồn gốc hình thành, các yếu tố tác động, tìm hiểu công nghệ vận động hành lang ở một số quốc gia tiêu biểu cũng như xu hướng vận động và phát triển của công nghệ này trong thời gian tới.		
2.3. Kiến thức chuyên ngành				36	
Bắt buộc				30	
56.	TH03055	Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	Học phần trang bị cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng của Đảng ta trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.	4,0 (3,0:1,0)	
57.	TH03056	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam	Học phần trang bị khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam và sự vận dụng của Đảng trong giai đoạn hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
58.	TH03057	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	Trang bị khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế và sự vận dụng trong cách mạng giải phóng dân tộc và hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
59.	TH03058	Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, thực tiễn; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người; ý nghĩa, giá trị của hệ thống tư tưởng đó đối với việc xây dựng con người mới Việt Nam hiện nay.	4,0 (3,0:1,0)	
60.	TH03070	Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy	Học phần giúp sinh viên nắm rõ về phương pháp và phương pháp luận trong nghiên cứu, giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng được các phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy môn tư tưởng Hồ Chí Minh, phương	3,0 (2,5:0,5)	

		TTHCM	pháp soạn bài giảng và phương pháp giảng bài tư tưởng Hồ Chí Minh trong các chương trình hiện hành.		
61.	TH03071	Thực hành giảng dạy TTHCM	Học phần giúp cho sinh viên thực hành nội dung chương trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh đại cương và phương pháp giảng dạy các bài trong chương trình đến người học; biết soạn bài, thành thạo các phương pháp, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng giảng dạy chuyên ngành.	4,0 (0,5:3,5)	TH03070
62.	TH03081	Thực tập cuối khóa	Học phần giúp cho sinh viên nắm được tình hình thực tiễn công tác giảng dạy ở các trường chính trị, đại học, học viện; cách tổ chức bộ máy, hoạt động của cơ sở giáo dục hiện nay; tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; dự giờ, soạn giáo án và thực hành giảng dạy môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh	3,0	
63.	TH04006	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên biết chọn vấn đề nghiên cứu, tìm và phân loại tư liệu; xây dựng đề cương, viết và hoàn thiện công trình nghiên cứu	6,0 (0,5:5,5)	
Học phân thay thế khóa luận				6	
64.	TH03091	Tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ	Trang bị khái niệm, cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ và sự vận dụng trong giai đoạn hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
65.	TH03088	Những luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam	Học phần trang bị cho người học hệ thống những luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lênin như: vấn đề dân tộc và giai cấp, cách mạng thuộc địa, về đảng, nhà nước, đại đoàn kết, văn hóa, con người...	3,0 (2,0:1,0)	
Tự chọn				6/18	
66.	TH03072	Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác tư tưởng	Học phần giúp cho người học nắm được cơ sở và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác tư tưởng; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác tư tưởng và sự vận dụng của Đảng ta vào quá trình xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
67.	TH03067	Tư tưởng Hồ	Trang bị khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí	3,0	

		Chí Minh về kinh tế và quân sự	Minh về kinh tế và quân sự; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế và quân sự và sự vận dụng trong giai đoạn hiện nay.	(2,0:1,0)	
68.	TH03074	Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và dân vận	Học phần giúp cho người học nắm được cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và dân vận; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và dân vận và sự vận dụng của Đảng ta trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
69.	TH03087	Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và quyền con người	Học phần này là trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ sở hình thành, quá trình phát triển và những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và quyền con người. Từ đó, xem xét giá trị vận dụng của tư tưởng vào việc thực thi chính sách tôn giáo cũng như thực hiện quyền con người ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
70.	TH03076	Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho người học về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng triết học Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản, giá trị lý luận và thực tiễn; phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến từ góc độ tư tưởng triết học Hồ Chí Minh.	3,0 (2,0:1,0)	
71.	TH03077	Tư tưởng Hồ Chí Minh về công nhân, nông dân, trí thức	Học phần cung cấp cho người học cơ sở hình thành và những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về công nhân, nông dân và trí thức, giá trị của những tư tưởng đó đối với công cuộc đổi mới đất nước nói chung và đối với việc xây dựng giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức hiện nay nói riêng.	3,0 (2,0:1,0)	
Tổng				130	

9.3. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	CHUẨN ĐẦU RA																																			
		Kiến thức																			Kỹ năng										Năng lực tự chủ						
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
1	TM01001	2																				2	2	2			2	2				2			2		
2	KT01001	2																				2	2	2			2	2				2			2		
3	CN01001	2																				2	2	2			2	2				2			2		
4	LS01001	2																				2	2	2			2	2				2			2		
5	TH01001	2																				2	2	2			2	2				2			2		
6	NP01001		2																			2	2	2			2	2				2		1	2	1	2
7	CT01001		2																			2	2	2			2	2				2		1	2	1	2
8	XD01001		2																			2	2	2			2	2				2		1	2	1	2
9	TG01004		2	2																		2	2	2			2	2				2		1	2	1	2
10	XH01001		2																			2	2	2			2	2				2		1	2	1	2
11	NP01002		2																			2	2	2			2	2				2		1	2	1	2
12	TT01002		2																			2	2	2			2	2				2		1	2	1	2
13	ĐC01001		2																			2	2	2			2	2				2		1	2	1	2
14	TT01003		2																			2	2	2			2	2				2		1	2	1	2
15	TT01001		2																			2	2	2			2	2				2		1	2	1	2
16	LS01003		2																			2	2	2			2	2				2		1	2	1	2
17	QT01001		2																			2	2	2			2	2				2		1	2	1	2

18	QQ01002	2																2	2	2			2	2					2		1	2	1	2
19	ĐC01005	2																2													2	1	2	
20	NN01015	2																2	2	2	2							2		1	2	1	2	
21	NN01016	2																2	2	2	2							2		1	2	1	2	
22	NN01017	2																2	2	2	2							2		1	2	1	2	
23	NN01019	2																2	2	2	2							2		1	2	1	2	
24	NN01020	2																2	2	2	2							2		1	2	1	2	
25	NN01021	2																2	2	2	2							2		1	2	1	2	
26	TG01009		2															2	2	2			2	2				2		1	2	1	2	
27	TG03001		2															2	2	2			2	2				2		1	2	1	2	
28	TM01008		2															2	2	2			2	2				2		1	2	1	2	
29	TM01010			2														2	2	2			2	2				2		1	2	1	2	
30	TH02030	2																2	2	2			2	2	2			2		1	2	1	2	
31	TH02054				2													2	2	2			2	2	2			2	2	1	2	1	2	
32	CN02052					2												2	2	2			2	2				2		1	2	1	2	
33	LS02248					2												2	2	2			2	2				2		1	2	1	2	
34	LS01004					2												2	2	2			2	2				2		1	2	1	2	
35	LS01005					2												2	2	2			2	2				2		1	2	1	2	
36	QT02607						2											2	2	2			2	2				2		1	2	1	2	
37	QT02560						2											2	2	2			2	2				2		1	2	1	2	
38	KT02001							2										2	2	2			2	2				2		1	2	1	2	

39	KT01008																2												2	2	2				2	2				2		1	2	1	2
40	CT03062																2												2	2	2				2	2				2		1	2	1	2
41	TT01007																												2	2	2				2	2				2		1	2	1	2
42	TT02366																												2	2	2				2	2				2		1	2	1	2
43	TT02555																	2											2	2	2				2	2				2		1	2	1	2
44	CT02059																	2											2	2	2				2	2				2		1	2	1	2
45	CT00253																		2										2	2	2				2	2				2		1	2	1	2
46	TH03080																												2	2	2				2	2				2		1	2	1	2
47	TH02090																											2	2	2				2	2	2	2			2	2	1	2	1	2
48	TH02055																											2	2	2				2	2	2	2			2	2	1	2	1	2
49	TH02089																										2	2	2				2	2	2	2			2	2	1	2	1	2	
50	XD02303																										2	2	2				2	2				2		1	2	1	2		
51	CT02054																										2	2	2				2	2				2		1	2	1	2		
52	XD01004																										2	2	2				2	2				2		1	2	1	2		
53	TT02353																											2	2	2				2	2				2		1	2	1	2	
54	QQ01001																											2	2	2				2	2				2		1	2	1	2	
55	CT03040																											2	2	2				2	2				2		1	2	1	2	
56	TH03055																										2	2	2				2	2	2	2			2	2	1	2	1	2	
57	TH03056																										2	2	2				2	2	2	2			2	2	1	2	1	2	
58	TH03057																										2	2	2				2	2	2	2			2	2	1	2	1	2	
59	TH03058																										2	2	2				2	2	2	2			2	2	1	2	1	2	

60	TH03070															2	2			2	2	2				2	2	2	2		2	2	1	2	1	2	
61	TH03071															2	2	2		2	2	2				2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1	2
62	TH03081																		2	2	2	2				2	2	2	2		2	2	1	2	1	2	
63	TH04006															2	2			2	2	2				2	2	2	2		2	2	1	2	1	2	
64	TH03091															2	2			2	2	2				2	2	2	2		2	2	1	2	1	2	
65	TH03088															2	2			2	2	2				2	2	2	2		2	2	1	2	1	2	
66	TH03072															2	2			2	2	2				2	2	2	2		2	2	1	2	1	2	
67	TH03067															2	2			2	2	2				2	2	2	2		2	2	1	2	1	2	
68	TH03074															2	2			2	2	2				2	2	2	2		2	2	1	2	1	2	
69	TH03087															2	2			2	2	2				2	2	2	2		2	2	1	2	1	2	
70	TH03076															2	2			2	2	2				2	2	2	2		2	2	1	2	1	2	
71	TH03077															2	2			2	2	2				2	2	2	2		2	2	1	2	1	2	

10. Hướng dẫn thực hiện

10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến

TT	Học phần	Số C	Phân bổ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	Triết học Mác - Lênin	4	*							
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	*							
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3		*						
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3		*						
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			*					
6	Pháp luật đại cương	3	*							
7	Chính trị học đại cương	2		*						
8	Xây dựng Đảng đại cương	2			*					
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2		*						
10	Xã hội học đại cương	2	*							
11	Quản lý hành chính nhà nước	2			*					
12	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			*					
13	Tiếng Việt thực hành	2								
14	Hệ tư tưởng học	2								
15	Lịch sử văn minh thế giới	2								
16	Dân tộc học đại cương	2								
17	Quan hệ quốc tế	2								
18	Quan hệ công chúng	2								
19	Tin học ứng dụng	3			*					
20	Tiếng Anh học phần 1	4	*							
21	Tiếng Anh học phần 2	4		*						
22	Tiếng Anh học phần 3	4			*					
23	Tiếng Trung học phần 1	4								
24	Tiếng Trung học phần 2	4								
25	Tiếng Trung học phần 3	4								
26	Tâm lý học sư phạm	3					*			
27	Lý luận dạy học đại học	3					*			
28	Đạo đức học Mác - Lênin	3		*						
29	Logic học	3				*				
30	Thực tế kinh tế - xã hội	2				*				
31	Tác phẩm Hồ Chí Minh	3			*					
32	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	3				*				
33	Lịch sử Đảng (chuyên đề)	3								
34	Lịch sử thế giới (chuyên đề)	3								
35	Lịch sử Việt Nam (chuyên đề)	3								
36	Thông tin đối ngoại Việt Nam	3								
37	Địa chính trị thế giới	3								
38	Quản lý kinh tế	3								

39	Kinh tế phát triển	3								
40	Lịch sử tư tưởng chính trị	4				*				
41	Nguyên lý công tác tư tưởng	3					*			
42	Nghệ thuật phát biểu miệng	3						*		
43	Văn hóa chính trị	3						*		
44	Khoa học chính sách công	3					*			
45	Quyền lực chính trị	3						*		
46	Kiến tập nghề nghiệp	2					*			
47	Tiểu sử, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	3				*				
48	Phương pháp cách mạng và phong cách Hồ Chí Minh	3							*	
49	Vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay	3								*
50	Các đảng chính trị trên thế giới	3								
51	Thế chế chính trị thế giới đương đại	3								
52	Khoa học lãnh đạo	3								
53	Truyền thông và vận động	3								
54	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý	3								
55	Vận động hành lang	3								
56	Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	4					*			
57	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam	3						*		
58	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	3						*		
59	Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người	4							*	
60	Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy TTHCM	3							*	
61	Thực hành giảng dạy TTHCM	4								*
62	Thực tập cuối khóa	3								*
63	Khóa luận tốt nghiệp	6								*
64	Tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ	3								*
65	Những luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam	3								*

66	Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác tư tưởng	3							*	
67	Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế và quân sự	3							*	
68	Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và dân vận	3								
69	Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và quyền con người	3								
70	Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh	3								
71	Tư tưởng Hồ Chí Minh về công nhân, nông dân, trí thức	3								

10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

** Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo*

Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện đã có những cơ sở vật chất hiện đại phục vụ cho công tác giáo dục và đào tạo. Đối với chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh cần có những cơ sở vật chất cơ bản như giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, loa, mic... Ngoài ra cần có hệ thống các đầu sách, tư liệu tham khảo cập nhật và đa dạng.

** Về đội ngũ giảng viên*

Đội ngũ giảng viên giảng dạy chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 03 Phó giáo sư - Tiến sĩ, 04 Tiến sĩ, 2 Thạc sĩ cùng một số lượng đông đảo các giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ Chính trị học, Hồ Chí Minh học đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành Chính trị học, chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín ở trong và ngoài nước.

** Về Thư viện*

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3419m² trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m², số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra cứu, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công

chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện. Các sách liên quan đến lĩnh vực lịch sử, chính trị, xã hội nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu. Trong đó có, 362 đề tài khoa học; 249 giáo trình; 33 khóa luận tốt nghiệp; 37 luận án tiến sĩ; 1982 luận văn thạc sĩ; 899 sách tham khảo; 24 tạp chí; 22 thông tin. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace.

10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình:

Chương trình được đánh giá định kỳ 2 năm/lần, được đổi mới, hoàn thiện theo định kỳ 4 năm/lần hoặc khi có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu xã hội đối với ngành nghề đào tạo, những yêu cầu mới về phẩm chất, năng lực lao động của cơ quan sử dụng nguồn lực đào tạo.

GIÁM ĐỐC

đã ký

Trương Ngọc Nam